TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỐC OAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/DS-ST

Ngày 20 - 7 - 2024

Vv: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sỹ Danh Huệ và bà Hoàng Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/7/ 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST-DS ngày 06/ 03/ 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX-ST ngày 17/ 6/ 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024 /QĐ-HPT ngày 11/07/2024, Giữa:

Nguyên đơn: Ông Lý Hoàng P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu đô thị M, quận N, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1962.

Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1962 (vợ ông Q).

Cùng trú tại: Xóm A, thôn 3, xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: xóm A, thôn 3, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội. (Giấy uỷ quyền ngày 19/03/2024) Bà C vắng mặt, ông Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 15/ 12/2023 của nguyên đơn ông Lý Hoàng P trình bày:

Cuối năm 2021, ông P có đi tìm mua miếng đất vườn ven đô thì có người quen ở chợ Nam Trung Yên giới thiệu gặp ông Hoàng Văn Q, bà Hoàng Thị C là người đang có nhu cầu bán đất. Ông P đến xem đất thì hiện trạng đất là trồng khoai

tây, ông Q bảo là đất quy hoạch cây lâu năm, đã trồng nhãn cả chục năm rồi, mới chặt để trồng hoa màu (ông P nhìn thấy vẫn còn thân nhãn khô xung quanh). Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, do ông P không phải nông dân nên không được mua đất trồng lúa và chỉ có thể mua đất nếu như chuyển đổi sang đất trồng cây lâu năm (theo như quy hoạch khu đất mà ông Q bảo). Chính vì vậy, sau khi thống nhất nội dung các vấn đề ông P ký hợp đồng đặt cọc mua đất. Theo đó bên mua là ông P (gọi tắt bên A) mua thửa đất số 176, tờ bản đồ số 03, diện tích 430m^2. Địa chỉ thôn 3 xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE691351 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 07/11/2016 và bên bán là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C (gọi tắt là bên B). Số tiền mua đất giá là 430.000.000 đồng. Ông P đã đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng. Ông Q, bà C (bên A- bên bán đất) có nghĩa vụ đi đăng ký quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm cho thửa đất và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất trên cho ông P (bên B- Bên mua đất) tại cơ quan có thẩm quyền. Bên A có thời hạn là trong vòng 02 tháng để hoàn thành các thủ tục sang tên cho bên B. Các khoản thuế phí, chi phí liên quan đến chuyển nhượng như Thuế trước bạ, Thuế thu nhập cá nhân… do bên A chịu (theo thoả thuận Điều 3 của Hợp đồng đặt cọc). Bên A cam kết có toàn quyền chuyển nhượng bất động sản trên và cam đoan tài sản này có thể chuyển nhượng cho đối tượng như bên B, và tài sản này không dính quy hoạch, thừa kế gia đình, nếu vi phạm bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Điều 5 của Hợp đồng đặt cọc có nêu: "Nếu bên A không tiếp tục cùng bên B tiến hành thủ tục chuyển nhượng với bất cứ lý do nào hoặc quá thời hạn 02 tháng mà chưa hoàn thành thủ tục sang tên cho bên B thì bên A phải hoàn trả lại số tiền cọc và bồi thường cho bên B số tiền là: 50% giá trị tiền đặt cọc (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)".

Đến tháng 1/2022 (quá thời hạn 02 tháng theo quy định trong hợp đồng), Ông Q, bà C không hoàn thành việc đăng ký QSDĐ trồng cây lâu năm cho thửa đất, ông P có đòi lại tiền đặt cọc thì ông Q có nói là sẽ làm thủ tục chuyển nhượng mảnh đất cho con trai mình là Hoàng Văn T (hiện là sĩ quan công binh, đóng quân tại Sơn Tây), và đưa ông P một văn bản chứng minh điều đó (Giấy chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa ông Q và con trai Hoàng Văn T có hai người ký tên nhưng chưa có xác nhận của cơ quan chức năng). Ông bà Q, C đã không thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và sang tên cho ông P, nhưng cũng không trả lại cọc theo như quy định trong hợp đồng đặt cọc. Tuy nhiên thửa đất không sang tên được thửa đất cho ông P là do ông P đang là giảng viên trường Đại học N, không có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm này ông Q bà C đang gặp khó khăn lúc đó, ông Q, bà C rất cần thêm 100 triệu đồng để trả nợ. Nghĩ thương ông Q và bà C nên ông P đồng ý cho ông Q bà C vay thêm 100.000.000 đồng để giải quyết công việc. Sau đó hai bên thống nhất chuyển số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng của hợp đồng đặt cọc mua đất và số tiền 100.000.000 đồng tiền cho vay được chuyển sang hợp đồng vay tiền.

Do đó. Ngày 30/01/2022 ông P ký với vợ chồng ông Q, bà C ký Hợp đồng vay tài sản là số tiền là 200.000.000 đồng. Trong đó có 100.000.000 đồng tiền đặt cọc chuyển sang và ông P đưa thêm 100.000.000 đồng; thời hạn 06 tháng. Hai bên

thống nhất lãi suất 1%/tháng trong hạn (tức là 2 triệu đồng/tháng cho khoản vay 200 triệu trong vòng 6 tháng trong hạn) và 1.5%/tháng khi quá hạn tính cho cả phần tiền gốc và lãi của tháng trước đó.

Hết thời hạn vay ông P đã nhiều lần ông Q và bà C trả nợ theo hợp đồng nhưng ông Q và bà C không trả nên ông P khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

Tại phiên tòa hôm nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

- Buộc ông Q, bà C phải trả lại cho ông P theo hợp đồng vay tiền ngày 30/01/2022 số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn tính từ ngày 30/01/2022 đến ngày 30/06/2022 là 10.066.667 đồng và lãi quá hạn từ ngày 30/6/2022 đến ngày 20/7/2024 là 75.100.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 285.166.667 đồng.

- Ông P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt do vi phạm hợp đồng đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền phạt cọc 12.000.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Bị đơn ông Hoàng Văn Q trình bày:

Ngày 02/10/2021, ông Q đang làm ruộng trên thửa đất số 176, tờ bản đồ số 03 tại thôn 3, xã Tân Hoà, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội thì có ông Lý Hoàng P đến hỏi mua. Sau đó ông Q đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P xem và 01 bản phô tô, sau đó ông P quyết định mua đất. Hai bên thống nhất giá cả rồi lập hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm ngày 16/11/2021. Theo đó bên bán là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C và bên mua là ông Lý Hoàng P. Theo đó bên ông Q và bà C bán cho ông P thửa đất số 176, tờ bản đồ số 03 tại thôn 3, xã Tân Hoà, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận QSH – QSD đất số CE 691351 cấp ngày 07/11/2016 đứng tên ông là Hoàng Văn Q. Diện tích thửa đất 430,0m^2, giá bán 430.000.000 đồng. Ông P đặt cọc cho vợ chồng ông Q số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi bên bán làm xong giấy tờ chuyển nhượng bàn giao cho bên mua sẽ giao đủ tiền cho bên bán. Bên bán có thời hạn 02 tháng để hoàn tất thủ tục sang tên cho bên mua. Các khoản thuế phí, chi phí liên quan đến chuyển nhượng như Thuế trước bạ, Thuế thu nhập cá nhân… do bên bán chịu. Bên bán cam kết có toàn quyền chuyển nhượng bất động sản trên và cam đoan tài sản này có thể chuyển nhượng cho đối tượng như bên mua, và tài sản này không dính quy hoạch, thừa kế gia đình, nếu vi phạm bên bán chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Cùng ngày chúng tôi có lập Giấy xác nhận tiền đặt cọc số tiền 100.000.00 đồng với ông Lý Hoàng P.

Lý do không sang tên được thửa đất trên cho ông Lý Hoàng P là do ông P đang là công chức, không có hộ khẩu thường trú tại thôn tại xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội nên không sang được tên. Hai bên thống nhất sang tên cho anh Hoàng Văn T (con trai ông Q) đứng tên thửa đất đó nếu tách sổ được thì đến văn phòng công chứng xã giao lại cho ông P và lấy nốt số tiền còn lại. Ông P nhất trí. Sau đó ông P lại có ý kiến nếu sang tên mà trong sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có chữ: Đất trồng cây lâu năm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì

ông P không mua đất nữa. Sau đó ông P không mua và đòi lại tiền đặt cọc nhưng chúng tôi không có tiền để trả cho ông P nên anh Phú đề xuất cho vợ chồng ông Q vay 100.000.000 đồng để giải quyết công việc và số tiền đặt cọc mua đất 100.000.000 đồng sẽ chuyển sang tiền vay, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông Q nhất trí.

Sau đó hai bên thống nhất lập Hợp đồng vay tiền ngày 30/01/2022. Theo đó bên cho vay ông Lý Hoàng P và bên vay là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C vay 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, tôi đã nhận thêm 100 triệu tiền mặt của ông P. Lãi suất thoả thuận trong hạn 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1.5/1 tháng.

Nay ông Lý Hoàng P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Q và bà C phải trả lại cho ông P theo hợp đồng vay tiền ngày 30/01/2022 số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính từ ngày 30/01/2022 đến ngày 20/07/2024 là: 85.166.667 đồng.

Tại phiên tòa ông Q xác định vợ chồng ông có nợ số tiền gốc là 200.000.000 đồng như ông P yêu cầu là đúng. Còn đối với nợ lãi mà ông P yêu cầu ông Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy rằng sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt; Thẩm phán, Thư ký đã tống đạt hợp lệ các văn bản cho các đương sự;

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền đã thanh toán trả số tiền vay theo Hợp đồng vay tài sản ngày 30/01/2022 là 200.000.000 đồng nợ gốc và lãi tính đến 20/7/2024 là 85.166.667 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền đã thanh toán tổng số tiền là 285.166.667 đồng là có cơ sở chấp nhận; Bị đơn phải chiu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hợp đồng dân sự (Vay tài sản là tiền) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Toà án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú là xã T, huyện Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu; Quá trình chuẩn bị xét xử và trước khi Hội đồng xét xử ban hành bản án các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó căn cứ Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án Toà đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Q có mặt, bà C vắng mặt có ủy quyền cho ông Q có mặt thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có mặt những người trên là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Q và bà C trả lại số tiền là 200.000.000 đồng nợ gốc và 89.816.206 đồng nợ lãi tính đến ngày 20/7/2024 theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 30/01/2022.

- Xét yêu cầu trả số nợ gốc theo Hợp đồng vay tài sản ngày 30/01/2022 của nguyên đơn thì thấy:

Xuất phát từ việc chuyển nhượng đất nông nghiệp tại thửa số: 176, tờ bản đồ số 3, diện tích là 430m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 691351 cấp ngày 7/11/2016 cho hộ ông Hoàng Văn Q với giá 430.000.000 đồng, giữa bên chuyển nhượng là ông Lý Hoàng P và bên chuyển nhượng là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C. Để đảm bảo cho hợp đồng chuyển nhượng, ngày 16/11/2021 hai bên có làm Giấy xác nhận tiền đặt cọc với số tiền 100.000.000 đồng, và cùng làm hợp đồng chuyển nhượng đất, ông P đã giao tiền đặt cọc cho ông Q và bà C, tại Điều 5 của hợp đồng chuyển nhượng có ghi thời hạn 2 tháng, nếu hết thời hạn này bên mua không mua thì mất tiền cọc, bên bán không bán hoặc hết thời hạn trên mà không hoàn thành thủ tục sang tên thì phải trả bên mua tiền cọc và bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Hết thời hạn trên hai bên không thực hiện được việc chuyển nhượng đất, ông Q bà C có cần tiền để trả nợ nên có đặt vấn đề với ông P cho vay thêm 100.000.000 đồng và chuyển số tiền cọc thành tiền vay.

Ngày 30/01/2022 ông P và ông Q, bà C có ký hợp đồng vay tiền. Hai bên thỏa thuận ông P cho ông Q và bà C vay số tiền là 200.000.000 đồng (trong đó có 100.000. 000 đồng tiền đặt cọc và 100.000.000 đồng tiền cho vay); Thời hạn vay là 6 tháng, kể từ ngày 30/01/2022 đến ngày 30/6/2022; Lãi suất hai bên thỏa thuận vay là 1%/1 tháng/ số tiền vay. Lãi suất quá hạn là 1.5%/tháng tính trên số tiền gốc và lãi chưa trả.

Tại quá trình hòa giải và tại phiên tòa hai bên xác định số nợ gốc mà ông Q và bà C bị đơn còn nợ của ông P là 200.000.000 đồng. Do đó yêu cầu trả nợ gốc của ông P là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu trả nợ lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu trả nợ lãi trong hạn 1%/tháng từ ngày 30/01/2022 là 10.066.667 và nợ quá hạn theo lãi suất 1,5%/ tháng tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 20/7/2024 là 75.100.000 đồng thì thấy:

Ngày 30/01/2022 ông P và ông Q, bà C có ký hợp đồng vay tiền. Hai bên thỏa thuận ông P cho ông Q và bà C vay số tiền là 200.000.000 đồng (trong đó có 100.000. 000 đồng tiền đặt cọc và 100.000.000 đồng tiền cho vay); Thời hạn vay là

6 tháng, kể từ ngày 30/01/2022 đến ngày 30/6/2022; Lãi suất hai bên thỏa thuận vay là 1%/1 tháng/ số tiền vay. Lãi suất quá hạn là 1.5%/tháng tính trên số tiền gốc và lãi chưa trả tính đến 20/7/2024 với số nợ lãi là

Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015, Cụ thể:

Điều 463: Hợp đồng vay tài sản

" Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả lại cho bên cho vay...."

Điều 466: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

"1.Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...".

Điều 468. Lãi suất.

"*1. Lãi suất do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản vay...".

Điều 470 Thực hiện Hợp đồng vay có kỳ hạn.

"2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn.."

Như vậy yêu cầu đòi nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn trên số nợ tiền gốc chưa thanh toán mà ông Lý Hoàng P yêu cầu ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C phải trả tính từ ngày 30/01/2022 đến 20/7/2024 là 85.166.667 đồng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở chấp nhận.

Buộc ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C phải trả nợ ông Lý Hoàng P tạm tính đến ngày 20/7/2024 là 285.166.667 đồng. Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 10.066.667 đồng và nợ lãi quá hạn là: 75.100.000 đồng.

Đối với yêu cầu đòi phạt do vi phạm hợp đồng đặt cọc ngày 16/11/2021 số tiền 50.000.000 đồng của ông P yêu cầu và Buộc ông Q bà C trả nợ số tiền nợ lãi tính từ quá hạn ngày 08/01/2022 đến ngày 30/05/2024 là: 12.000.000 đồng.

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên Tòa ông Lý Hoàng Phú xin rút toàn bộ yêu cầu phạt cọc là 50.000.000 đồng và khoản nợ lãi trên số tiền phạt cọc là 12.000.000 đồng. Xét yêu cầu nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc ông Q và bà C phải liên đới nộp án phí có gía ngạch đối với số tiền phải trả: 285.166.667 đồng. Tuy nhiên ông Q và bà C là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Miễn toàn bộ án phí cho ông Q và bà C.

Nguyên đơn là ông P không phải chịu án phí. Trả lại ông P số tiền tạm ứng án phí là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 000019903 ngày 04/ 03/2024.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có đều có quyền kháng cáo theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Khoản 1, 2 Điều 147; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; khoản 1 Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th□ờng vụ quốc hội.

Xử:

1-Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hoàng P.

1-1. Buộc ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C phải trả có nghĩa vụ trả nợ ông Lý Hoàng P theo Hợp đồng vay tài sản ngày 30/01/2022 tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến 20/7/2024 là 285.166.667 *(hai trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy)* đồng. Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 10.066.667 và 75.100.000 đồng nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Phạt cọc và khoản nợ lãi trên số tiền đặt cọc của nguyên đơn đối với bị đơn.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị đơn là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị C.

Nguyên đơn là ông Lý Hoàng P không phải chịu án phí. Trả lại ông Lý Hoàng P số tiền tạm ứng án phí là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 000019903 ngày 04/ 03/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

3-Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Các đương sự
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Kiều Văn Thành